BÁO CÁO
HỒ SƠ THỊ TRƯỜNG RUMANI

MÃ HOẠT ĐỘNG: EU-15 (Hồ sơ thị trường)

"Hỗ trợ Bộ Công Thương nghiên cứu và tập hợp hồ sơ thị trường của các nước thành viên EU và nghiên cứu về một số ngành liên quan đến xuất khẩu của Việt Nam"

Bản cuối cùng

Hà Nội, tháng 10/2015

Chuyên gia soạn thảo: ***Lê Hải Triều***
Phạm Thế Phương

Báo cáo này được thực hiện với sự hỗ trợ tài chính của Liên minh châu Âu. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo này, cũng như mọi sai sót và chi tiết chưa chính xác đều thuộc trách nhiệm của các tác giả và không thể hiện quan điểm của Bộ Công Thương hay quan điểm của Phái đoàn Liên minh châu Âu.

Mục lục **Trang**

I. GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT VỀ RUMANI 3
1. Thông tin cơ bản 3
2. Điều kiện tự nhiên 3
3. Khí hậu 3
4. Xã hội 4
5. Thể chế và cơ cấu hành chính 5
5.1 Thể chế 5
5.2 Cơ cấu hành chính 5
6. Hệ thống pháp luật 6
7. Lịch sử 6
8. Văn hóa 6
9. Giáo dục 7
10. Ngày nghỉ/lễ tết 7

II. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ, THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ 8
1.Kinh tế 8
1.1 Tổng quan tình hình phát triển kinh tế 8
2. Thương mại 8
3. Đầu tư 9
4. Cơ sở hạ tầng kinh tế 9
5. Các chỉ số kinh tế, thương mại cơ bản 9
6. Quan hệ quốc tế và chính sách đối ngoại 10

III. QUAN HỆ HỢP TÁC VỚI VIỆT NAM 12
1. Quan hệ ngoại giao 12
2. Quan hệ hợp tác kinh tế - thương mại 13
3. Hợp tác đầu tư 14
4. Hợp tác phát triển và đào tạo 14

IV. MỘT SỐ ĐIỀU CẦN BIẾT KHI KINH DOANH VỚI RUMANI 15
1. Các qui định về xuất nhập khẩu 15
2. Chính sách thuế và thuế suất 16
3. Qui định về bao gói, ký mã hiệu và nhãn mác 18
4. Qui định về kiểm dịch động thực vật 19
5. Quyền sở hữu trí tuệ 19
6. Khu vực tự do thương mại 19
7. Tiêu chuẩn 19
8. Văn hóa kinh doanh 20

V. ĐÁNH GIÁ TIỀM NĂNG THỊ TRƯỜNG RUMANI 21
VI. ĐỊA CHỈ HỮU ÍCH 23
VII. TƯ LIỆU THAM KHẢO 24

I. Giới thiệu khái quát về Rumani

1. Thông tin cơ bản

Tên chính thức: Cộng hòa Rumani (Republic of Romania)
Vị trí địa lý: Nằm ở Đông Nam Trung Âu
Diện tích: 238.391 km^2
Dân số (7/2014): 21,729 triệu người
Thủ đô: Bucharest
Ngôn ngữ chính thức: Tiếng tiếng Rumani, Hungary, Đức
Đơn vị tiền tệ: đồng leu (RON) mới được sử dụng từ năm 2005, đồng leu (ROL) cũ hết giá trị sử dụng trong năm 2006 (10.000 ROL = 1 RON)
Thể chế chính phủ: Cộng hòa đại nghị

2. Điều kiện tự nhiên

Vị trí địa lý: Nằm ở Đông Nam Trung Âu, vùng Balkan, thuộc khu vực hạ lưu sông Đa nuýp, hướng ra Hắc Hải.

Có chung biên giới với Ucraina, Moldova ở phía Đông và Bắc, với Hungary ở Phía Tây, với Secbia ở phía Tây Nam, với Bungari ở phía Nam.

Bờ biển: 225 km

Địa thế: Vùng lòng chảo Transylvania trung bộ phân cách với đồng bằng Moldavia ở phía Đông bởi rặng Carpathia, và tách khỏi đồng bằng Walachia ở miền Nam bởi rặng Alps Transylvania.

Núi cao nhất: Mondoveanul (2.544 m)

Các sông chính: Danube, Prut

Diện tích: 238.391 km^2, là quốc gia lớn thứ 2 sau Ba Lan so các nước ở Đông-Trung Âu. Trong đó diện tích đất: 229.891 km^2, diện tích nước chiếm: 8.500 km^2

Các điểm cực:
- Điểm thấp nhất: Black Sea 0 m
- Điểm cao nhất: Moldoveanu 2,544 m

Tài nguyên thiên nhiên: dầu mỏ (trữ lượng đang giảm), gỗ, khí đốt, than đá, quặng sắt, muối.

3. Khí hậu

Ôn hoà, mùa đông lạnh, nhiều mây với tuyết và sương mù thường xuyên, mùa hè nhiều nắng, hay có mưa rào và sấm sét.

4. Xã hội

Dân số

Tổng số dân (ước 7/2014): 21,729 triệu người (trong đó Rumani 83,4%, Hungary 6,1%, Roma 3,1%, Ucraina 0,3%, Đức 0,2%, khác 0,7%, không xác định 6,1%)

Cơ cấu tuổi:
0-14 tuổi: 14,6% (nam 1.628.220/ nữ 1.541.914)
15-24 tuổi: 11,3% (nam 1.258.746/ nữ 1.197.681)
25-54 tuổi: 45,7% (nam 5.021.370/ nữ 4.916.576)
55-64: 13% (nam 1.320.781/ nữ 1.508.878)
65 tuổi trở lên: 15,4% (nam 1.346.864/ nữ 1.988.841)

Tuổi trung bình: 39,8 tuổi
Trong đó nam: 38,4 tuổi, nữ 41,4 tuổi

Tỷ lệ tăng trưởng dân số: -0,29% (2014)

Tỉ lệ sinh: 9.27 ca sinh/1.000 dân (2014)

Tỷ lệ tử vong: 11,88 tử vong/1.000 dân (2014)

Tỷ suất di cư thuần: -0,24 Nhập cư/1.000 dân (2014)

Tỷ lệ giới tính: 0,95 nam/ nữ
Mới sinh: 1,06 nam/ nữ
0-14 tuổi: 1,06 nam/ nữ
15-24: 1,05 nam/ nữ
25-54 tuổi: 1,02 nam/ nữ
55-64: 0,95 nam/ nữ
65 tuổi trở lên: 0,68 nam/ nữ

Tuổi thọ: 74,69 năm
Trong đó nam: 71,23 tuổi, nữ: 78,36 tuổi

Tôn giáo

Cơ đốc Chính Thống (Orthodox) 81,9%, Tin lành 6,4%, Thiên Chúa giáo La Mã 4.3%, khác (bao gồm người Hồi giáo) 0,9%, không có hoặc vô thần 0,2%, không xác định 6,3%.

Ngôn ngữ: Tiếng Rumani (ngôn ngữ chính thức) 85.4%, Hungary 6,3%, Romany (Gypsy) 1,2%, khác 1%, không xác định 6,1%.

5. Thể chế và cơ cấu hành chính

5.1 Thể chế

Thể chế chính phủ: Cộng hòa đại nghị. Tổng thống do dân bầu trực tiếp bằng bỏ phiếu, nhiệm kỳ 4 năm. Quốc hội gồm Thượng và Hạ nghị viện, do dân bầu, nhiệm kỳ 4 năm. Thủ tướng do Tổng thống bổ nhiệm.

Hành pháp:
- Đứng đầu nhà nước: Tổng thống
- Đứng đầu chính phủ: Thủ tướng

Lập pháp: Quốc hội lưỡng viện

Tư pháp: Toà án tối cao, toà án.

Chính trị: Tháng 12/1989 Rumani thay đổi thể chế chính trị, xây dựng chế độ đa nguyên, đa đảng và kinh tế thị trường. Đảng Dân chủ - Xã hội (PDSR, trung tả) nòng cốt của Mặt trận cứu quốc nắm quyền đến cuối 1996. Trong cuộc bầu cử Tổng thống và Quốc hội tháng 11/1996, Cánh hữu do khối Công ước Dân chủ làm nòng cốt đã thắng cử và lên nắm quyền. Song do thất bại trong việc phục hồi và quản lý kinh tế - xã hội, sau 4 năm Cánh hữu thất cử, Cánh tả trở lại nắm quyền (11/2000). Đảng Dân chủ Xã hội (PDSR) lập Chính phủ liên hiệp với Liên minh dân chủ của người thiểu số Hungary (UDMR). Ông I. Iliescu trở lại làm Tổng thống.

Tháng 6/2001, PDSR sáp nhập với một đảng cánh tả nhỏ và đổi tên mới là đảng Xã hội Dân chủ (PSD). Trong nhiệm kỳ cầm quyền của PSD, đất nước đã đạt được nhiều thành tựu lớn về kinh tế và đối ngoại. Tuy nhiên, do đời sống nhân dân còn chậm được cải thiện, phân cực xã hội ngày càng tăng (hơn 30% dân chúng sống dưới mức nghèo khổ), thất nghiệp, nạn tham nhũng hoành hành... nên trong cuộc bầu cử tháng 12/2004, Liên minh đối lập D.A. (Cánh hữu) của hai đảng Dân tộc Tự do (PNL) và Dân chủ (PD) đã thắng cử. Ông Traian Basescu lên làm Tổng thống và lập Chính phủ liên minh (gồm các đảng PNL, PD, Liên minh dân chủ của người gốc Hungary - UDMR, đảng Bảo thủ - PC). Chính phủ mới ưu tiên chống tham nhũng; giảm thuế thu nhập doanh nghiệp từ 25% xuống 16%; hoàn tất quá trình hội nhập EU; tăng cường quan hệ với Hoa Kỳ, Anh. Sau khi Rumani được kết nạp vào EU (01/01/2007), PC đã rút ra khỏi liên minh cầm quyền, trong khi đó mâu thuẫn giữa 2 phe Tổng thống và Thủ tướng lại tiếp tục nổ ra với quy mô lớn hơn và ngày 02/4/2007, được sự ủng hộ của PSD, Thủ tướng Traian Basesacu (Chủ tịch PNL) đã tuyên bố giải tán Liên minh D.A. và loại bỏ PD khỏi Chính phủ. Ông Traian Basesacu đã giữ chức Tổng thống Rumani từ ngày 21/12/2004 đến ngày 21/12/2014.

Tổng thống hiện nay của Rumani là ông Klaus Johannis (bắt đầu nhiệm kỳ từ ngày 21/12/2014). Thủ tướng hiện nay của Rumani là ông Victor Ponta (bắt đầu nhiệm kỳ từ ngày 7/5/2012).

5.2 Cơ cấu hành chính

Rumani gồm 40 hạt và 1 thị xã

6. Hệ thống pháp luật

Sau cuộc cách mạng năm 1989, Rumani đã xây dựng lại thể chế chính trị của đất nước. Hệ thống pháp luật của Rumani là hệ thống luật dân sự. Hiến pháp: Ban hành ngày 8/12/1991, sửa đổi ngày 29/2/2003.

7. Lịch sử

Nguồn gốc dân tộc Rumani là người Dacia bị Đế quốc La Mã chiếm và đồng hóa từ năm 106 đến 271, bị phong kiến Hungary chiếm vùng Transilvania thế kỷ 10, bị đế quốc Áo, Nga Sa hoàng và Thổ Nhĩ Kỳ thay nhau thống trị đến thế kỷ 19.

Trong lịch sử Rumani có nhiều cuộc khởi nghĩa oanh liệt chống ngoại xâm. Năm 1862 bắt đầu hình thành quốc gia Rumani và đến năm 1918 quốc gia thống nhất mang tên Rumani chính thức ra đời với việc thống nhất ba công quốc: Valachia, Transilvania và Moldova.

Trong Đại chiến thế giới II, Rumani đứng về phe phát xít Đức. Ngày 23/8/1944, quân đội Xô-viết vào Rumani và cuộc khởi nghĩa vũ trang chống phát xít ở Rumani thắng lợi.

Rumani thành lập chế độ cộng hòa nhân dân (30/12/1947) và tiến hành xây dựng XHCN. Tháng 12/1989 chế độ Ceausescu sụp đổ. Rumani thành lập chế độ cộng hòa đại nghị kiểu phương Tây.

8. Văn hóa

Rumani có nền văn hóa mang đậm các bản sắc rất riêng và phong phú.

Văn học: Từ thế kỷ 16-18, nền văn học Rumani trên cơ sở văn viết có sự phát triển mạnh mẽ. Sang đến nửa đầu thế kỷ 19, văn học nước này có bước chuyển đột phá về chất lượng. Những danh nhân văn hóa tên tuổi đóng góp lớn cho nền văn học đất nước có thể kể đến là Junimea, Titu Maiorescu, Mihai Eminescu, Ion Luca Caragiale và Ion Creanga.

Kiến trúc: Kiến trúc ở Rumani khá đa dạng. Trong thời kỳ Trung cổ La Mã, ở Rumani có hai loại kiến trúc xây dựng khác biệt hẳn nhau về chất liệu và kỹ thuật cùng phát triển song song ở Rumani là các nhà thờ bằng gỗ và tu viện. Vào thế kỷ 17, thời kỳ đỉnh cao của nền văn minh La Mã, ở Rumani xuất hiện các tòa nhà và cung điện với kiến trúc thanh nhã. Thế kỷ 18 ghi dấu ấn với lối kiến trúc mang phong cách phương Đông. Sang đầu thập kỷ 20, các thành phố và thị trấn ở Rumani có những kiểu kiến trúc đối lập với những tòa nhà cao tầng ở thành phố và các khu nhà tranh mái lá trong quần thể làng xóm tại vùng quê. Đến cuối thế kỷ 20 và cho tới nay, kiến trúc Rumani đã có rất nhiều thay đổi theo phong cách hiện đại của Tây Âu, khiến cho bộ mặt kiến trúc của cả nước trải qua nhiều thời kỳ và còn lưu giữ lại đến ngày nay những hình ảnh đặc sắc riêng.

Nghệ thuật: Có nguồn gốc từ hai trường phái chính là trường phái Byzantine và trường phái Tây Âu. Những tên tuổi lớn trong lĩnh vực này ở Rumani là Nicolae Tonitza (1886-1940), Francisc Sirato (1877-1953), Lucian Grigorescu (1894-1965), Theodor Pallady

(1871-1956), Victor Brauner (1903-1966), Hans Mattis-Teutsch (1884-1960) và nhiều nhà văn hóa nghệ thuật khác.

9. Giáo dục

Ở Rumani, việc học là bắt buộc và miễn phí đối với trẻ em từ 6 đến 16 tuổi. Cấp tiểu học dành cho trẻ từ 6 tuổi đến 14 tuổi. Sau đó, trẻ phải vượt qua kỳ thi sát hạch để vào trung học. Khoảng ½ học sinh ở Rumani theo học tại các trường đào tạo nghề, số còn lại học tại các học viện kỹ thuật hoặc các chương trình đào tạo giảng viên.

Chỉ khoảng 5% học sinh ở Rumani theo học các khóa dự bị đại học khi còn học trung học. Để học tại các trường đại học, học sinh Rumani cần vượt qua kì thi trong đó đòi hỏi phải tốn kém chi phí học thêm để luyện thi. Những trường đại học lớn và danh tiếng nhất ở Rumani là Đại học Tổng hợp Bucharest, thành lập năm 1864, Đại học Tổng hợp Babes-Blyai ở Cluj-Napoca và Viện đào tạo Bách khoa ở Bucharest.

10. Ngày nghỉ/lễ tết

- 1/1 Tết năm mới
- Lễ phục sinh vào tháng 5
- 1/5 Quốc tế lao động
- 1/12 Ngày kỷ niệm quốc gia
- 25/12 Giáng sinh

II. Tổng quan tình hình phát triển kinh tế, thương mại và đầu tư

1.Kinh tế

1.1 Tổng quan tình hình phát triển kinh tế

Rumani gia nhập EU vào ngày 1 tháng 1 năm 2007, bắt đầu quá trình chuyển đổi từ chủ nghĩa cộng sản vào năm 1989 với nền tảng công nghiệp phần lớn là lỗi thời và sản lượng không phù hợp nhu cầu của đất nước. Tham nhũng và quan liêu tiếp tục thâm nhập vào môi trường kinh doanh. Tuy nhiên, tăng trưởng kinh tế tăng trở lại trong năm 2013, nhờ xuất khẩu từ công nghiệp và thu hoạch từ nông nghiệp. Do đó thâm hụt tài khoản vãng lai đã được giảm đáng kể. Tăng trưởng kinh tế năm 2014 tăng 2,8%, nhưng giảm 3,5% so với năm 2013. Công nghiệp tăng trưởng vượt trội so với các lĩnh vực khác của nền kinh tế. Xuất khẩu tiếp tục là động lực của tăng trưởng kinh tế đặc biệt là thương mại với EU, chiếm khoảng 70% thương mại Rumani. Trong năm 2014, Chính phủ Rumani đã thành công trong việc đáp ứng mục tiêu hàng năm cho thâm hụt ngân sách và lạm phát ở mức thấp nhất kể từ năm 1989, Chính phủ cho phép nới lỏng dần chính sách tiền tệ trong suốt cả năm. Tuy nhiên, sự tiến bộ về cải cách cơ cấu chưa đồng đều và nền kinh tế vẫn dễ bị ảnh hưởng trước các cú sốc bên ngoài.

Những ngành công nghiệp trọng điểm của Rumani hiện nay gồm khai mỏ, gỗ, vật liệu xây dựng, luyện kim, hoá chất, chế tạo máy móc, chế biến thực phẩm, sản xuất và lọc dầu.

Các sản phẩm xuất khẩu chủ yếu của Rumani là lúa mì và bắp; ngoài ra còn có các sản phẩm khác như: củ cải đường, hạt hướng dương, khoai tây, sữa, trứng, thịt, nho.

2. Thương mại

Rumani xuất khẩu chủ yếu kim loại và sản phẩm kim loại, sản phẩm từ khoáng sản, hàng dệt, máy và thiết bị điện, thiết bị vận chuyển, nhập khẩu khoáng sản, máy móc và thiết bị, hàng dệt và nông sản. Bạn hàng của nước này chủ yếu là EC, Đông và Trung Âu, EFTA, Nga, Nhật, Mỹ, các nước đang phát triển.

Giá trị xuất khẩu năm 2014 của Rumani đạt 69,877 tỷ USD. Hàng hóa xuất khẩu chủ yếu của Rumania bao gồm: máy móc thiết bị, kim loại và các sản phẩm kim loại, dệt may và da giày, hóa chất, nông sản, khoáng sản và nhiên liệu. Các đối tác xuất khẩu chủ yếu bao gồm: Đức 18,9%, Italia 11,7%, Pháp 6,9%, Thổ Nhĩ Kỳ 5,2%, Hungary 5%, Anh 4,2%.

Giá trị nhập khẩu năm 2014 của Rumani đạt 77,889 tỷ USD. Hàng hóa nhập khẩu chính bao gồm: máy móc thiết bị, hóa chất, nhiên liệu và khoáng sản, kim loại, dệt may và các sản phẩm, các sản phẩm nông nghiệp. Các đối tác nhập khẩu: Đức 18,7%, Italia 11%, Hungary 8,3%, Pháp 5,8%, Ba Lan 4,5%, Nga 4,3%, Áo 4%.

Kim ngạch thương mại của Rumani giai đoạn 2010 -2014

Đvt: Tỷ USD

Năm	Nhập khẩu	Xuất khẩu
2010	62.006	49.413
2011	76.365	62.692
2012	70.259	57.904
2013	73.452	65.881
2014	77.889	69.877

Nguồn: Trademap 2015

3. Đầu tư

Đầu tư nước ngoài vào Rumani chủ yếu tập trung ở các lĩnh vực công nghiệp. Thế mạnh của Rumani bao gồm khai mỏ, gỗ, vật liệu xây dựng, luyện kim, hoá chất, chế tạo máy móc, chế biến thực phẩm, sản xuất và lọc dầu.

Đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Rumani năm 2014: 89,62 tỷ USD (ngày 31 tháng 12 năm 2014).

Đầu tư của Rumani ra nước ngoài năm 2014: 2,766 tỷ USD (ngày 31 tháng 12 năm 2014).

4. Cơ sở hạ tầng kinh tế

Thông tin - Truyền thông
Số điện thoại cố định đang sử dụng (theo số liệu năm 2012): 4,680 triệu
Điện thoại di động: 22,7 triệu chiếc
Các dịch vụ điện thoại trong nước và quốc tế đã được mở rộng và hiện đại hóa, dịch vụ trong nước và quốc tế được cải thiện nhanh chóng đặc biệt là dịch vụ điện thoại di động
mã quốc gia – 40
Internet mã quốc gia: .ro
Các máy chủ Internet: 2.667.000
Người sử dụng Internet: 7.787.000

Giao thông vận tải
Sân bay: 45 (2013)
Đường ống: khí 3726 km; dầu 2.451 km
Đường sắt: tổng số: 10.777 km
Đường bộ: 84.185 km
Đường thuỷ: 1.731 km
Các cổng và thiết bị đầu cuối:
Cảng biển lớn: Constanta, Midia
Cảng sông: Braila, Galati (Galatz), Mancanului (Giurgiu), Tulcea (sông Danube).

5. Các chỉ số kinh tế, thương mại cơ bản

GDP (sức mua tương đương): 386,5 tỷ USD (2014)
GDP (tỷ giá hối đoái chính thức): 202,5 tỷ USD (2014)
GDP - tỷ lệ tăng trưởng thực tế: 2,4% (2014)

GDP - bình quân đầu người (PPP): 19.400 USD (2014)
Tổng tiết kiệm quốc gia: 21,3% GDP (2014)

GDP đóng góp theo ngành:
Nông nghiệp: 12,4%
Ngành công nghiệp: 35,6%
Dịch vụ: 52% (ước 2014)

Sản phẩm nông nghiệp: lúa mì, ngô, lúa mạch, củ cải đường, hạt hướng dương, khoai tây, nho; trứng, cừu.

Các ngành công nghiệp: máy móc và thiết bị điện, dệt may và giày dép, máy móc nhẹ, lắp ráp ô tô, khai thác khoáng sản, gỗ, vật liệu xây dựng, luyện kim, hóa chất, chế biến thực phẩm, lọc dầu.

Tốc độ tăng trưởng sản xuất công nghiệp: 3% (2014)

Lực lượng lao động: 9.945.000 (2014)

Lực lượng lao động - theo nghề nghiệp:
Nông nghiệp: 29%
Ngành công nghiệp: 28,6%
Dịch vụ: 42,4%

Tỷ lệ thất nghiệp: 7% (2014)

Dân số dưới mức nghèo khổ: 22,2%

Chỉ số Gini (Phân phối thu nhập gia đình): 27,4

Ngân sách nhà nước:
+ Doanh thu: 62,51 tỷ USD
+ Chi phí: 66,27 tỷ USD

Thuế và các khoản thu khác: 30,9% GDP

Thặng dư ngân sách (+) hoặc thâm hụt (-): -1.9% GDP (2014)

Nợ công: 39,4% GDP

Tỷ lệ lạm phát: 1,2% (2014)

Dự trữ ngoại hối và vàng: 47,67 tỷ USD

Nợ - đối ngoại: 127,2 tỷ USD

6. Quan hệ quốc tế và chính sách đối ngoại

Rumani thực hiện chính sách đối ngoại ưu tiên hoà nhập vào các cơ cấu châu Âu (NATO, EU), tăng cường quan hệ với Hoa Kỳ và Tây Âu, coi trọng quan hệ láng giềng, chú ý quan hệ với Nga đặc biệt về kinh tế-thương mại, phát triển quan hệ truyền thống với một số nước trọng điểm ở châu Á (Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật, Hàn Quốc…), Trung Đông, Nam Phi, Brazil.

Để thực hiện mục tiêu sớm gia nhập NATO, Rumani đã hết sức tranh thủ quan hệ với Hoa Kỳ: là nước đầu tiên ký hiệp định song phương với Hoa Kỳ về việc miễn trừ cho công dân Hoa Kỳ bị bắt trên lãnh thổ Rumani theo lệnh của Toà án hình sự quốc tế (Quốc hội Rumani vẫn chưa phê chuẩn); tích cực ủng hộ và cho phép Hoa Kỳ sử dụng không phận, căn cứ quân sự để quá cảnh đánh Irắc, cử hơn 800 quân tới tham gia cùng Mỹ ổn định tình hình Irắc. Tháng 12/2005, Rumani đã ký với Hoa Kỳ một Thỏa thuận cho phép quân Hoa Kỳ (trong khuôn khổ NATO) triển khai căn cứ thường trực trên lãnh thổ của mình.

Rumani hiện là thành viên của Hội đồng châu Âu, thành viên NATO (từ 29/3/2004) và thành viên EU (từ 01/01/2007).

Trên các diễn đàn đa phương, Rumani tham gia tích cực vào các hoạt động của Liên hợp quốc, kể cả các hoạt động giữ gìn hoà bình (như ở các nước thuộc Nam Tư cũ, Angola, Afganistan).

Trong quan hệ kinh tế - thương mại, Rumani chủ yếu quan hệ với các nước Châu Âu (chiếm khoảng 84% tổng kim ngạch, trong đó với EU là gần 65%, nhất là với Italia, Đức, Pháp), với Châu Á – Châu Đại dương khoảng 6%, với Châu Mỹ khoảng 5%, với Châu Phi và Trung Đông khoảng 3,6 %.

III. Quan hệ hợp tác với Việt Nam

1. Quan hệ ngoại giao

Hai nước lập quan hệ ngoại giao ngày 03/02/1950. Từ đó đến năm 1989 là quan hệ giữa hai nước xã hội chủ nghĩa. Rumani đã giúp Việt Nam về kinh tế (viện trợ 66 triệu rúp, xoá nợ 25,5 triệu rúp), đào tạo gần 3.000 cán bộ cho Việt Nam, cho vay vốn dài hạn và trung hạn (200 triệu rúp).

Sau khi Rumani thay đổi thể chế chính trị (12/1989), hai nước tiếp tục quan hệ hữu nghị truyền thống trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi.

Trao đổi đoàn:

Các đoàn cấp cao Việt Nam sang thăm Rumani gồm:

- Tháng 4/1991, Chủ tịch Quốc hội Lê Quang Đạo
- Tháng 5/1993, tháng 9/1997 và tháng 7/2001, Thứ trưởng Ngoại giao
- Tháng 8/1994, Phó Thủ tướng Trần Đức Lương
- Tháng 9/1995, Phó Chủ tịch Quốc hội Phùng Văn Tửu
- Tháng 10/1996, Bộ trưởng Văn hóa - Thông tin Trần Hoàn
- Tháng 12/1998, Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Nguyễn Mạnh Cầm
- Tháng 9/1999, Bộ trưởng Bộ Khoa học - Công nghệ và Môi trường Chu Tuấn Nhạ
- Thán 7/2001, Chủ tịch Uỷ ban Đối ngoại Quốc hội Đỗ Văn Tài
- Tháng 7/2004, Trưởng Ban Đối ngoại trung ương Nguyễn Văn Son
- Tháng 9/2006, Phó Chủ tịch nước Trương Mỹ Hoa đã dự Hội nghị cấp cao Pháp ngữ 11 tại Bu-ca-rét và đã tiếp xúc bên lề với Tổng thống Bơ-xét-xcu
- Tháng 1/2007, Phó Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Phúc Thanh đã thăm Rumani
- 17-20/6/2008, Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Phú Trọng
- 26/6/2009, Phó Thủ tướng, Bộ trưởng Ngoại giao Phạm Gia Khiêm thăm chính thức Rumani
- 7/9/2013, Phó Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Thị Kim Ngân đến thăm Rumani.

Các đoàn cấp cao Rumani sang thăm Việt Nam bao gồm:

- Tháng11/1993, tháng 5/1999 và tháng 10/2001: Quốc vụ khanh Ngoại giao Rumani
- Tháng 2/1994, Bộ trưởng Thương mại
- Tháng 7/1995, Thủ tướng N. Vacaroiu
- Tháng 11/1997, Tổng thống Emil Constantinescu và 3 Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, Bộ Tài chính, Bộ Công Thương sang Việt Nam dự Hội nghị Cấp cao Pháp ngữ 7
- Tháng 8/2000, Bộ trưởng Môi trường - nước - rừng
- Tháng 10/2002, Chủ tịch Uỷ ban đối ngoại Thượng viện
- 16-18/02/2002, Tổng thống I-on I-li-ét-xcu thăm chính thức Việt Nam
- Tháng 8/2004, Đoàn Hội luật gia Rumani

- 10-14/4/2006, Đoàn Quốc vụ khanh Ngoại giao đặc trách Pháp ngữ của Bộ Ngoại giao Rumani
- 24-29/9/2006, Đoàn Chủ tịch Uỷ ban Thể thao sang thăm Việt Nam.

Nhân dịp Chủ tịch nước Trần Đức Lương thăm chính thức Rumani (16-17/10/2003), hai bên đã ký Hiệp định Kiểm dịch và Bảo vệ thực vật, Hiệp định Vệ sinh thú y, 2 Chương trình hợp tác trong lĩnh vực Khoa học - Công nghệ và Giáo dục - Đào tạo giai đoạn 2003-2005, Thỏa thuận về hợp tác giữa hai Phòng Thương mại - Công nghiệp.

Từ sau 1990, Việt Nam và Rumani đã ký nhiều văn kiện tạo khung pháp lý cho sự hợp tác trong giai đoạn mới.

Tại các diễn đàn quốc tế Rumani ủng hộ Việt Nam vào ECOSOC nhiệm kỳ 1998-2000, Hội đồng Liên minh Viễn thông Quốc tế (ITU, 11/2006), WTO, cam kết ủng hộ Việt Nam làm Uỷ viên không thường trực HĐBA LHQ khoá 2008 - 2009; Việt Nam ủng hộ Rumani vào Uỷ ban Hành chính và các vấn đề ngân sách ACABQ, Uỷ ban Luật thương mại quốc tế UNCIRL nhiệm kỳ 1998-2000, Hội đồng Nhân quyền/LHQ (09/5/2006), ECOSOC nhiệm kỳ 2007-2008.

Cộng đồng Việt Nam ở Rumani có gần 400 người, có tinh thần đoàn kết và luôn hướng về Tổ quốc.

2. Quan hệ hợp tác kinh tế - thương mại

Việt Nam và Rumani có tiềm năng hợp tác trên nhiều mặt; thị trường hai nước có thể bổ sung cho nhau. Rumani có thế mạnh trong các lĩnh vực: dầu khí, hoá dầu, kiến trúc, xây dựng, y tế, chế biến nông sản... và có nhu cầu nhập từ Việt Nam sản phẩm nhiệt đới, hàng tiêu dùng… Hàng Việt Nam chất lượng cao trong lĩnh vực may mặc, đồ gỗ, mỹ nghệ, thuỷ sản, cao su, cà phê, gia vị..., được khách hàng Rumani rất quan tâm.

Kim ngạch thương mại của hai nước năm 2014 đạt 151,14 triệu USD, tăng 30% so với năm 2013. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Rumani đạt 99,23 triệu USD tăng 43,52% so với năm 2013. Kim ngạch nhập khẩu của Việt nam từ Rumani đạt 51,90 triệu USD tăng 10,05% so với năm 2013.

Mặc dù quan hệ thương mại Rumani - Việt Nam cũng đang phát triển ổn định tuy nhiên kim ngạch hai chiều chưa đạt mức mong muốn. Vấn đề khó hiện nay là các doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam chưa thành lập được mạng lưới đại lý tin cậy để quảng bá bán buôn và bán lẻ các mặt hàng xuất khẩu sang Rumani. Bên cạnh đó, vấn đề quản lý các đại lý tại thị trường sở tại trở nên phức tạp khi cơ quan chủ quản, cơ quan đại diện của Việt Nam tại Rumani chưa có một công cụ pháp lý và tài chính nào để chống hiện tượng gian lận, quỵt nợ, đào tẩu khi trường hợp đó xảy ra. Đã có rất nhiều chủ hàng mất tiền khi áp dụng cơ chế "giao hàng trước, trả tiền hàng sau" hay cơ chế "cho nợ tiền hàng có thời hạn".

Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang Rumani năm 2014 và 4 tháng đầu năm 2015

Đvt: USD

Mặt hàng chủ yếu	ĐVT	Năm 2014	4T/2015
Hàng thủy sản	USD	9.446.264	1.398.209
Cà phê	Tấn	13.973.441	5.213.278
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	USD	762.207	439.414
Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác	USD	12.182.650	3.719.019
Tổng cộng		99.234.706	31.709.270

Nguồn: Tổng cục Hải quan Việt Nam

Kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam -Rumani giai đoạn 2011 – 4T/2015

Đvt: USD

Năm	2011	2012	2013	2014	4T/2015
Việt Nam XK	74.434.034	80.605.700	69.145.042	99.234.706	31.709.270
Việt Nam NK	29.022.519	21.919.876	47.168.822	51.909.900	12.197.270

Nguồn: Tổng cục Hải quan Việt Nam

3. Hợp tác đầu tư

Doanh nghiệp Rumani rất quan tâm đến đầu tư tại Việt Nam, đặc biệt trong lĩnh vực khai mỏ, gỗ, vật liệu xây dựng, luyện kim, hoá chất, chế tạo máy móc, chế biến thực phẩm, sản xuất và lọc dầu. Tuy nhiên, các hoạt động đầu tư mới dừng ở tính chất thăm dò và khảo sát thị trường, môi trường đầu tư.

4. Hợp tác phát triển và đào tạo

Rumani là một trong những nước sớm viện trợ Việt Nam về kinh tế. Kể từ khi hai nước thiết lập quan hệ ngoại giao đến năm 1989 khi Rumani còn đang là nước XHCN, Rumani đã viện trợ cho Việt Nam 66 triệu rúp, xoá nợ 25,5 triệu rúp, đào tạo gần 3.000 cán bộ cho Việt Nam, cho vay vốn dài hạn và trung hạn (200 triệu rúp).

Hàng năm, Rumani cấp cho Việt Nam từ 3-4 học bổng đại học, từ năm học 2004-2005 tăng lên 10 học bổng. Tính đến năm 2005 có khoảng 160 sinh viên, nghiên cứu sinh, thực tập sinh ta đang học tập ở Rumani, trong đó có 40 thuộc diện học bổng nhà nước, 120 thuộc diện tự túc.

IV. Một số điều cần biết khi kinh doanh với Rumani

1. Các qui định về xuất nhập khẩu

Chứng từ nhập khẩu

Các công ty xuất khẩu hàng hóa vào Rumani cần lưu ý các vấn đề liên quan đến chứng từ nhập khẩu sau:

- Hóa đơn thương mại: phải có chữ ký gốc của nhà xuất khẩu, mô tả đầy đủ về hàng hóa và qui cách của hàng hóa.
- Hóa đơn chiếu lệ: cần có 3 bản, phải được đóng dấu, ký và chứng thực. Thông tin trên hóa đơn cần có địa chỉ chính xác của nhà cung cấp, địa chỉ người nhận hàng, nước xuất xứ và mô tả về bao gói.
- Vận đơn: không có yêu cầu đặc biệt, cần có 01 bản gốc và 04 bản sao. Thông tin trên vận đơn cần có tên và địa chỉ của người gửi hàng, tên và địa chỉ người nhận hàng, mô tả hàng hóa, liệt kê chi phí vận tải và các loại phí khác, ngày và chữ ký của người chuyên chở xác nhận đã nhận hàng lên boong tàu. Thông tin trên vận đơn cần phù hợp với thông tin trên hóa đơn và bao gói. Vận đơn đường không thay thế cho vận đơn đường biển trong trường hợp hàng được chuyên chở bằng đường không.
- Phiếu đóng gói: không bắt buộc nhưng tạo điều kiện thuận lợi hơn cho việc thông quan hàng hóa.
- Giấy chứng nhận xuất xứ: có khi bên nhập khẩu yêu cầu, gồm một bản gốc và một số bản sao.
- Một số chứng từ khác: bản khai giá trị lô hàng, tờ khai hải quan... cần được xuất trình tại văn phòng hải quan khi hàng đến và khi làm thủ tục thông quan. Thực vật, động vật và các sản phẩm từ động thực vật cần có giấy chứng nhận kiểm dịch do cơ quan có thẩm quyền tại nước xuất xứ cấp.

Giấy phép nhập khẩu

Đơn xin giấy phép nhập khẩu hàng hóa cần được nộp tại Vụ Ngoại thương – Bộ Ngoại giao của Rumani. Thời gian phân tích và quyết định cấp phép tối đa là 10 ngày. Sự minh bạch và tiết kiệm thời gian trong việc cấp phép nhập khẩu ở Rumani được bảo đảm. Giấy phép nhập khẩu được yêu cầu đối với những mặt hàng chịu sự kiểm soát nhập khẩu của Rumani bao gồm:

- Chất thải, được phép nhập khẩu trên cơ sở có sự chấp thuận của Bộ Y tế và Gia đình, Bộ Nông nghiệp, Thực phẩm và Lâm nghiệp.
- Các sản phẩm có khả năng gây nguy hại tới sức khỏe con người và môi trường được phép nhập khẩu nếu được sự chấp thuận của Bộ Y tế và Gia đình, Bộ Nông nghiệp, Thực phẩm và Lâm nghiệp.
- Các sản phẩm chiến lược chịu sự kiểm soát về nơi đến cuối cùng theo những cam kết quốc tế của Rumani.
- Vũ khí săn và vũ khí để bắn phải được sự chấp thuận của Tổng cục Thanh tra Cảnh sát.

- Hệ thống tên lửa và phóng xạ phải được sự chấp thuận của Ủy ban Quốc gia về Kiểm soát các hoạt động liên quan đến hạt nhân.
- Một số sản phẩm hóa chất phải được sự chấp thuận của Tổng Cục Thanh tra Cảnh sát.

Giấy phép nhập khẩu tự động sử dụng cho mục đích thống kê chỉ được yêu cầu đối với dầu và các sản phẩm từ dầu mỏ, một số mặt hàng đã qua sử dụng, cá voi, bột mỳ, trứng chim.

Hạn ngạch

Theo các thỏa thuận ưu đãi của Rumani, một số hạn ngạch thuế quan đã được thiết lập. Bộ Ngoại giao Rumani quản lý tính minh bạch của hạn ngạch thuế quan như sau: đối với một số sản phẩm nông nghiệp và công nghiệp nhập khẩu từ EU, CEFTA và Thổ Nhĩ Kỳ theo các điều khoản tương ứng với Thỏa thuận Tự do Thương mại do Rumania ký cam kết, hạn ngạch thuế quan tối thiểu được áp dụng cho các nước là thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), đối với hàng dệt, hạn ngạch tối thiểu áp dụng cho Hoa Kỳ và Canađa.

Hạn chế nhập khẩu

Sự độc quyền của các cơ quan nhà nước ở Rumani trong lĩnh vực ngoại thương đã được xóa bỏ. Các công ty tư nhân được phép thực hiện các giao dịch xuất nhập khẩu.

Giấy phép nhập khẩu được yêu cầu đối với một số mặt hàng nhất định.

Rumani đã đưa ra hệ thống trao đổi ngoại hối mới trong đó các ngân hàng đóng vai trò quan trọng hơn trong việc đặt tỷ giá cho đồng Leu.

Tạm nhập

Hàng hóa tạm nhập khẩu vào Rumani để sửa chữa và tái xuất khẩu được quản lý theo cơ chế xử lý nội địa, trên cơ sở tạm hoãn nộp thuế hoặc hoàn thuế. Phương pháp hoàn thuế cho phép việc hoàn trả lại phần thuế nhập khẩu đã thanh toán tại thời điểm nhập khẩu sau khi hàng hóa đã xuất khẩu khỏi Rumani. Phương pháp tạm hoãn nộp thuế áp dụng đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu vào Rumani tạm thời chưa nộp thuế và chỉ phải nộp thuế nếu sau này hàng hóa đó được đưa ra tiêu thụ tại thị trường Rumani.

2. Chính sách thuế và thuế suất

Năm 2000, Rumani đã sửa đổi lại hệ thống thuế của nước này để tiến gần hơn tới hệ thống thuế của EU theo đề nghị của Ngân hàng Thế giới (World Bank) và Quỹ Tiền tệ Quốc tế (International Monetary Fund). Điều này dẫn đến những thay đổi đáng kể đối với môi trường kinh doanh và đầu tư ở Rumani.

Những loại thuế chính ở Rumani là:
- Thuế lợi nhuận
- Thuế sở hữu

- Thuế đối với hàng hóa và dịch vụ (VAT)
- Thuế xuất nhập khẩu
- Thuế tiêu thụ
- Các loại thuế của địa phương
- Thuế liên quan đến dầu mỏ
- Thuế cá nhân
- Những loại thuế khác liên quan đến đường xá, du lịch, biểu diễn, năng lượng, công nghệ, rủi ro.

Thuế thu nhập doanh nghiệp: Hiện nay, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ở Rumani là 25% (giảm từ mức trước đây là 38%), thuế giá trị gia tăng (VAT) là 19% (giảm so với mức 22% trước đây).

Thuế nhập khẩu: có mức thuế suất khác nhau tùy theo các mặt hàng khác nhau. Mỗi mặt hàng có một mã số HS riêng. Mức thuế suất riêng đối với mỗi nhóm mặt hàng được công bố trong lịch trình thuế quan của Rumani dựa trên hệ thống phân loại HS. Thuế nhập khẩu hàng hóa được tính trên giá trị CIF của hàng hóa (bao gồm giá thành hàng hóa, chi phí vận tải và bảo hiểm). Mức thuế nhập khẩu trung bình từ 3-30% cho đa số hàng hóa nhập khẩu vào Rumani, nhiều mặt hàng khác không thuộc nhóm này có mức thuế suất thuế nhập khẩu cao hơn. Ngoài ra, hải quan Rumani thu một khoản hoa hồng hải quan là 0,5% dựa trên trị giá tính thuế của hàng nhập khẩu.

Để biết thêm thông tin về thuế nhập khẩu ở Rumani, có thể liên hệ:
Direction General des Douanes
13, Matei Millo Street
Bucharest 70704
Tel: +40 1 315 5858
Fax: +40 1 313 8251

Thuế giá trị gia tăng (VAT): là loại thuế bán hàng của Châu Âu được áp dụng đối với tất cả các mặt hàng sản xuất trong hay ngoài nước được bán tại Rumani. Mức thuế suất thuế giá trị gia tăng ở Rumani là 19%. Thuế giá trị gia tăng đối với hàng nhập khẩu được tính trên giá trị CIF của hàng hóa nhập khẩu cộng thêm các khoản thuế nhập khẩu đã trả.

Thuế tiêu thụ: được áp dụng đối với một số mặt hàng sản xuất hoặc nhập khẩu như sau:

- Sản phẩm thuốc lá
- Thuốc lá điếu 8ECU/1000 điếu cộng thêm 20% thuế
- Rượu mạnh từ 100% đến 150%
- Rượu vạng 20%
- Bia từ 55% đến 70%
- Cà phê 80%
- Nước hoa 20%.

Miễn thuế: áp dụng đối với các trường hợp sau:

- Hàng mẫu và mô hình không có giá trị thương mại, tư liệu và vật phẩm quảng cáo.

- Hàng hóa phục vụ mục đích nhân đạo hoặc tài sản thừa kế

Những mặt hàng, dịch vụ được miễn thuế VAT là: sản phẩm chăm sóc sức khoẻ, hoạt động khoa học, giáo dục, từ thiện, dịch vụ ngân hàng, tài chính, bảo hiểm và biên tập sách giáo khoa.

3. Qui định về bao gói, ký mã hiệu và nhãn mác

Ngoài những qui định bắt buộc và những chương trình tự nguyện áp dụng liên quan đến vấn đề bao gói, ký mã hiệu và nhãn mác hàng hóa của EU, Rumani vẫn áp dụng những qui định riêng của nước này.

Nhà sản xuất hàng hóa cho thị trường Rumani cần lưu ý, nhãn mác hàng hóa đều phải thể hiện đơn vị đo (nếu có) của hàng hóa theo hệ mét, mặc dù qui định áp dụng song song đơn vị đo khác trên nhãn mác vẫn tiếp tục còn hiệu lực đến hết năm 2009. Việc sử dụng ngôn ngữ trên nhãn mác sản phẩm tại Rumani cần tuân theo qui định chung của Liên minh Châu Âu, đó là khuyến khích sử dụng đa ngôn ngữ trong đó các nước thành viên được tự do sử dụng ngôn ngữ riêng của nước mình.

Việc bao gói hàng hóa cho thị trường Rumani cần được thực hiện theo thông lệ chung của quốc tế.

Bao gói bên ngoài hàng hóa phải có ký hiệu của người nhận hàng và cảng đến, cần được đánh số thứ tự phù hợp với số thứ tự hàng hóa ghi trên phiếu đóng gói trừ khi nội dung hàng hóa đã được đề cập rõ theo cách khác.

Rumani không có những qui định cụ thể về vấn đề ký mã hiệu hay nhãn mác hàng hóa, ngoại trừ những loại xe kéo động vật và máy móc cần có tên và thương hiệu của nhà sản xuất.

Để biết thêm thông tin về những qui định liên quan đến bao gói, ký mã hiệu và nhãn mác hàng hóa, có thể liên hệ:

- National Trade Registry Office
  Bucharest Department for Business Promotion
  Blvd. Octavian Goga 2
  Bucharest, Romania
  Tel. (40-1) 327-3402
  Fax: (40-1) 327-3468
  E-mail: crotaru@ccir.ro

- Romanian Customs
  Str. Matei Millo 13
  Bucharest, Romania
  Tel: (40-21) 315-6578
  Fax: (40-21) 313-8316
  Website: www.customs.ro/

4. Qui định về kiểm dịch động thực vật

Mặc dù không phải là thành viên của Phòng Thương mại Quốc tế (International Chamber of Commerce) nhưng Rumani vẫn áp dụng và thực thi nghiêm túc các yêu cầu về y tế, kiểm dịch và những qui định quốc tế đối với thực phẩm và dược phẩm.

5. Quyền sở hữu trí tuệ

Luật sở hữu trí tuệ của Rumani đã phát triển tương đối trong thời kỳ Cách mạng Rumani năm 1989 do nhu cầu tăng cường các hiệp định và hiệp ước quốc tế và khu vực của nước này (bao gồm Hiệp định về các khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền sở hữu trí tuệ - Agreement on Trade-Related Aspects of Intellectual Property Rights (TRIPS), các chỉ thị của EU về phát kiến sinh học, nhãn hiệu thương mại và chỉ dẫn địa lý, hiệp ước về luật nhãn hiệu thương mại, hiệp ước về luật sáng chế, qui định của EU về nhãn hiệu thương mại trong Liên minh, và nhu cầu hài hòa luật sáng chế trong nước với Công ước về Sáng chế của Châu Âu (EPC).

Sự thay đổi kể từ năm 1989 bao gồm hầu hết mọi khía cạnh của luật sở hữu trí tuệ ở Rumani, bao gồm vấn đề bản quyền và sở hữu công nghiệp.

6. Khu vực tự do thương mại

Khu vực tự do thương mại (FTZ) ở Rumani hoạt động theo Luật số 84/1992. Hàng hóa được phép ra vào tự do tại các khu vực này mà không phải chịu thuế nhập khẩu và thuế giá trị gia tăng. Bên cạnh đó, lợi nhuận của công ty thu được trong thời gian hoạt động tại khu vực tự do thương mại của Rumani cũng được miễn thuế.

Luật số 84/1992 cho phép các pháp nhân và thể nhân người Rumani hoặc người nước ngoài được thuê mua hoặc chuyển nhượng bất động sản là đất đai hoặc tòa nhà trong khu vực tự do thương mại trong thời hạn tối đa là 50 năm. Ban quản lý các khu vực tự do thương mại ở nước này chịu trách nhiệm đối với tất cả các hoạt động thực hiện trong nội bộ khu vực. Các khu vực tự do thương mại chịu sự giám sát, quản lý của Bộ Công vụ, Bộ Giao thông Vận tải và Bộ Nhà cửa.

Hiện tại ở Rumani có 6 khu vực tự do thương mại là Sulina (ở cửa sông Danube); Constanta-Sud Agigea (gần cảng Constanta, nơi ra kênh đào Black Sea-Danube); Galati (cách cửa sông Danube khoảng 100 km); Braila (cách Galati 30 km về phía sông Danube); Curtici-Arad (cách biên giới với Hungary 30 km) và Giurgiu (nằm ở khu vực sông Danube, cách phía Nam Bucharest 60 km).

7. Tiêu chuẩn

Tiêu chuẩn của Rumani về chất lượng và sự an toàn thuộc thẩm quyền quản lý của Hiệp hội Tiêu chuẩn hoá Rumani (Romanian Association for Standardization - ASRO). Nhìn chung, các tiêu chuẩn này phù hợp với các tiêu chuẩn ISO và tiêu chuẩn của Tây Âu). Rumani áp dụng các tiêu chuẩn quản lý chất lượng quốc tế như ISO 9000 và đưa những tiêu chuẩn này vào hệ thống tiêu chuẩn hóa quốc gia. Mặc dù các tiêu chuẩn ISO không bắt buộc theo luật pháp của Rumani đối với từng doanh nghiệp riêng lẻ, tuy nhiên nhà

nhập khẩu ở Rumani đang ngày càng yêu cầu nhiều hơn việc người bán hàng phải chứng minh chất lượng sản phẩm và dịch vụ bằng cách xem xét chứng chỉ về hệ thống quản lý chất lượng của họ.

8. Văn hóa kinh doanh

Người Rumani sẵn sàng học tập các kinh nghiệm kinh doanh thành công của các đối tác phương Tây của họ với mục đích để hai bên cùng có lợi. Dưới đây là một số tập quán kinh doanh của Rumani:

- Trao đổi quà tặng với đối tác hoặc khách hàng tiềm năng là theo phong tục thông thường.
- Ở Rumani, tên gọi thường đi trước tên họ nhưng khách có thể gọi họ bằng tên họ kèm theo chữ Mr. hoặc Mrs cho đến khi được đề nghị gọi bằng tên riêng.
- Độ tuổi, chức vụ, học hàm và học vị khá quan trọng ở Rumani và nên được sử dụng trước tên họ.
- Việc giới thiệu mọi người với nhau ở Rumani khá trịnh trọng, doanh nhân Rumani thường trao đổi danh thiếp với người mới gặp và mặc complê.
- Bắt tay được sử dụng tại mọi cuộc họp và nam giới cũng thường hôn tay nữ giới.
- Người Rumani kha hào phóng nên những bữa ăn với thời gian kéo dài và sử dụng nhiều đồ uống sẽ là một phần trong công việc kinh doanh.

V. Đánh giá tiềm năng thị trường Rumani

Rumani là thị trường lớn nhất tại khu vực Nam Âu, là cửa ngõ đi vào các nước EU, là quốc gia có vị trí địa lý thuận lợi, là nơi giao thoa của các quốc gia EU, vùng Balkans và Cộng đồng các quốc gia độc lập (CIS). Hơn thế nữa Rumani còn nằm ở vị trí đầu mối của 3 hành lang kinh tế Châu Âu, là nơi thuận lợi cho vận tải biển đến các nước trong khu vực EU.

Trên thực tế, chính sách hiện nay của Rumani là ưu tiên phát triển quan hệ hợp tác với các nước EU, đồng thời để đa dạng hóa thị trường và mở rộng quan hệ thương mại trong tương lai, Rumani chủ trương tăng cường mở rộng quan hệ với các nước Châu Á, nhất là với Trung Quốc, Nhật Bản và Việt Nam.

Từ nhiều năm nay, các mặt hàng xuất khẩu truyền thống của Việt Nam đã có chỗ đứng khá ổn định tại thị trường Rumani, được người tiêu dùng địa phương ưa chuộng và đánh giá cao.

Các mặt hàng cà phê, hạt tiêu, chè… của Việt Nam từ lâu đã được tiêu thụ khá ổn định tại thị trường Rumani, tuy nhiên việc mua bán thường phải thực hiện thông qua doanh nghiệp trung gian (do tính chất sản phẩm và thực tiễn kinh doanh ở Rumani). Thực tế là các doanh nhân giàu có người Ả rập và Thổ Nhĩ Kỳ đang độc quyền kinh doanh hàng nông sản nói chung tại đây, doanh nghiệp Rumani đang cố gắng tiếp cận trực tiếp các nhà sản xuất và xuất khẩu nước ngoài để mua hàng, không muốn nhập khẩu qua trung gian như hiện nay.

Theo số liệu thống kê của Rumani, riêng mặt hàng cà phê robusta hạt xanh của Việt Nam xuất khẩu vào Rumani hàng năm chiếm khoảng 12-15% tổng sản lượng cà phê nhập khẩu của nước này. Trong khi các mặt hàng nông sản khác như hạt tiêu, gia vị, hoa quả hộp…, kim ngạch xuất khẩu còn rất nhỏ bé.

Trong 3 năm trở lại đây, nhóm hàng thủy hải sản của Việt Nam với mặt hàng tôm sú, cá tra, cá basa đông lạnh đã trở thành thương hiệu hấp dẫn của người tiêu dùng bản xứ. Riêng cá tra, cá basa đông lạnh của Việt Nam đã đi vào bữa cơm gia đình của người dân nước này khoảng 3 lần/ tuần. Lý do cơ bản là chất lượng và giá cả các mặt hàng này phù hợp với nhu cầu và túi tiền của người tiêu dùng thời khủng hoảng và hợp với trào lưu hạn chế ăn thịt của người Châu Âu hiện nay. Đây đang là một thuận lợi lớn cho xuất khẩu mặt hàng thủy sản của Việt Nam sang thị trường Châu Âu nói chung.

Mặt hàng công nghiệp điện gia dụng, tivi, máy vi tính và phụ tùng…là nhóm hàng có kim ngạch xuất khẩu lớn nhất của Việt nam sang thị trường Rumani trong mấy năm trở lại đây. Các sản phẩm điện tử, điện gia dụng và phụ tùng mang nhãn hiệu liên doanh "Made in Viet Nam" ngày một quen thuộc và gần gũi với khách tiêu dùng sở tại do chất lượng sản phẩm và giá cả cạnh tranh. Tuy chưa được đầu tư nhiều về quảng cáo tại địa bàn, song các sản phẩm liên doanh này của Việt Nam với Nhật Bản, Hàn Quốc… đang ngày càng chiếm được cảm tình tốt của người sử dụng Rumani.

Tuy nhiên về các mặt hàng tiêu dùng khác như may mặc, giầy dép, đồ gỗ, mây tre đan… lại đang vấp phải sự cạnh tranh mạnh về giá cả với hàng cùng loại của Trung Quốc tại địa bàn. Thực tế cho thấy tại thị trường Rumani, hàng tiêu dùng Trung Quốc rất phong phú về chủng loại và giá cả hợp lý, hàng Thổ Nhĩ Kỳ có lợi thế cạnh tranh là gần gũi về địa lý và khả năng đáp ứng nhu cầu về số lượng và thị hiếu của khách hàng… Chính vì vậy đa số các quầy hàng của người Việt Nam tại chợ bán buôn ở thủ đô Bucharest hiện nay phải lấy lại hàng của Trung Quốc hoặc Thổ Nhĩ Kỳ để kinh doanh.

Để có chỗ đứng vững chắc trên thị trường và tăng kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng truyền thống của Việt Nam sang Rumani, ngoài việc phải tăng cường các hoạt động xúc tiến thương mại, tham dự hội chợ triển lãm, khảo sát thị trường…, doanh nghiệp Việt Nam cần lưu ý bảo đảm số lượng cung ứng hàng ổn định, thường xuyên cải tiến mẫu mã, nâng cao chất lượng sản phẩm, nghiên cứu phát triển sản phẩm mới... và tìm hiểu kỹ thông tin của đối tác Rumani.

VI. Địa chỉ hữu ích

- **Đại sứ quán Việt Nam tại Rumani**
  #35, C.A. Rosetti St., Sec.2, Bucarest Rumania
  Tel: (00) (40) (21) 311 0334/ 311 0344
  Fax: (00) (40) (21) 312 1626
  E-mail: vietrom2005@yahoo.com

- **Đại sứ quán Cộng hòa Rumani tại Việt Nam**
  Số 5 Lê Hồng Phong, Ba Đình, Hà Nội
  Tel: (00) (84) (4) 8452014
  Fax: (00) (84) (4) 8430922
  E-mail: romambhan@fpt.vn

- **Hải quan Rumani: Romanian Customs**
  Str. Matei Millo 13
  Bucharest, Romania
  Tel: (40-21) 315-6578
  Fax: (40-21) 313-8316
  Website: www.customs.ro/

VII. Tài liệu tham khảo

Số liệu thống kê xuất nhập khẩu của Việt Nam với Rumani của Tổng Cục Hải quan Việt Nam và Bản đồ thương mại (Trade map) của Trung tâm thương mại quốc tế (ITC)

CIA The World Factbook https://www.cia.gov/library/publications/resources/the-world-factbook/

Thông tin về quy định nhập khẩu vào Rumani có tại website:
http://www.austrade.gov.au; www.export.gov

Trang web của Bộ Ngoại giao Việt Nam: http://www.mofa.gov.vn/vi/
Trang web của Cục Xúc tiến thương mại: www.vietrade.gov.vn
Trang web của Bộ Công Thương: www.moit.gov.vn

Mọi thông tin xin liên hệ:
Cục Xúc tiến thương mại
Phòng Nghiên cứu Phát triển thị trường
Địa chỉ: 20 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.4.4.39347628, số máy lẻ 174; 193
Fax: 84.4.39348142
Email: nctt@vietrade.gov.vn
Website: http://www.vietrade.gov.vn